

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

PHỤC HỒI, VƯỢT QUA KHÓ KHĂN DO COVID 19

Đậu Anh Tuấn

Trưởng Ban Pháp chế

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI

1. Tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động của doanh nghiệp

Đợt bùng phát của dịch COVID19 từ tháng 4/2021 tới nay đã có tác động nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam. Kết quả khảo sát do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 9/2021 với gần 3.000 doanh nghiệp phản hồi đang hoạt động tại 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam cho thấy có tới 93,9% doanh nghiệp cho biết tác động của dịch ở mức độ “hoàn toàn tiêu cực” và “phần lớn là tiêu cực”. Con số này tăng so với mức 87,2% của khảo sát năm 2020¹. Cụ thể, trong khảo sát năm 2021 có khoảng 60% doanh nghiệp cho biết tác động của dịch COVID-19 “phần lớn là tiêu cực”. Đáng lưu ý, tỷ lệ doanh nghiệp nhận định dịch COVID-19 tác động “hoàn toàn tiêu cực” lên tới 34%, cao đáng kể so với mức 15% của khảo sát năm 2020². Khảo sát tháng 9/2021 cũng ghi nhận chỉ có khoảng 4% doanh nghiệp không bị ảnh hưởng bởi dịch và chưa đến 2% doanh nghiệp cho biết nắm bắt được cơ hội để phát triển.

Hầu hết các doanh nghiệp trong tất cả các lĩnh vực ngành nghề đều phải đương đầu với các khó khăn do dịch bệnh COVID-19. Khảo sát cho thấy những ngành thường xuyên đòi hỏi sự giao tiếp trực tiếp hoặc liên quan đến sự di chuyển của con người bị tác động tiêu cực lớn nhất bởi dịch bệnh, cụ thể 99% doanh nghiệp trong các ngành giáo dục đào tạo, dịch vụ lưu trú và ăn uống, y tế và trợ giúp xã hội... chịu ảnh hưởng ở mức phần lớn tiêu cực và hoàn toàn tiêu cực. Mức độ tác động của dịch COVID-19 thấp nhất ở nhóm doanh nghiệp trong các ngành như sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng và cung cấp nước, xử lý rác thải, song cũng lần lượt có 88,2% và 76,5% doanh nghiệp trong những ngành này cho biết chịu tác động tiêu cực.

Bảng 1: Tác động của dịch COVID-19 theo ngành sản xuất kinh doanh

¹ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB): Báo cáo Tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra doanh nghiệp năm 2020, công bố tháng 3/2021. Báo cáo này được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát gần 10.200 doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang hoạt động tại 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam trong năm 2020.

² Như trên.

Một số ngành SXKD	Hoàn toàn tích cực	Phần lớn là tích cực	Không ảnh hưởng	Phần lớn là tiêu cực	Hoàn toàn tiêu cực
Bán buôn (trừ xe có động cơ)	0,1	1,1	3,5	63,6	31,8
Bán lẻ (trừ xe có động cơ)	0	2,9	5,5	48,9	42,7
Bán, sửa chữa xe có động cơ	0	0	10,9	52,5	36,6
Công nghiệp chế biến, chế tạo	0,4	2,8	2	58,6	36,3
Cung cấp nước, xử lý rác thải	0	1,4	22	57,4	19,1
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	0,6	0	0,6	40,6	58,3
Giáo dục và Đào tạo	0	0,8	0	58	41,2
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	0,3	3,1	4,1	46,7	45,8
Hoạt động khoa học công nghệ	0	0,2	4,7	61,1	33,9
Hoạt động xây dựng chuyên dụng	0,9	9	0,9	67,2	22
Khai khoáng	0	0	10,5	63,4	26,2
Kinh doanh bất động sản	0	0	0,5	75,3	24,3
Nông, lâm, thủy sản	1,4	0,5	5,2	51,8	41,1
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	0	4,2	7,5	59,2	29
Tài chính ngân hàng và bảo hiểm	2,2	0	0	48,5	49,3
Thông tin và truyền thông	0	0	1,9	84,4	13,7
Vận tải kho bãi	0	0	3,6	50,7	45,7
Xây dựng công trình dân dụng	0,6	2,3	6,9	66,5	23,6
Xây dựng nhà các loại	0,3	3,8	4,6	63	28,3
Y tế và trợ giúp xã hội	1,4	0	0	48,4	50,2

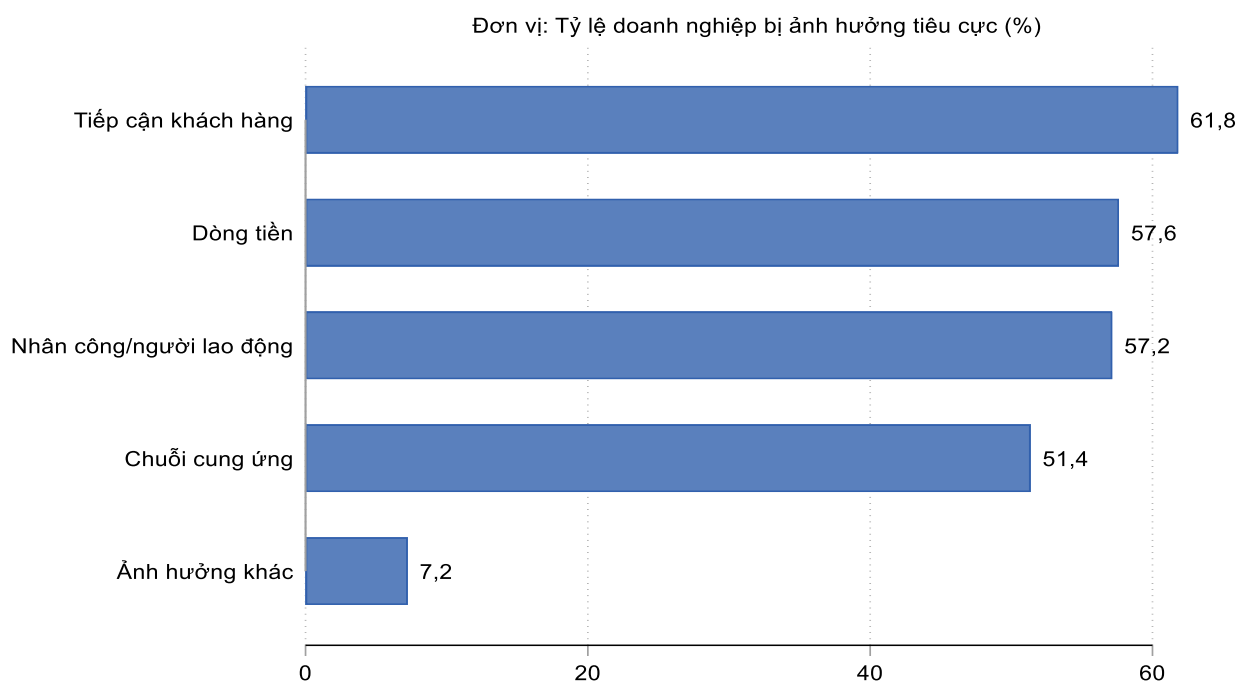
Dịch bệnh COVID-19 kéo dài trong gần hai năm qua khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị đình trệ trên nhiều khía cạnh như duy trì lực lượng lao động, giữ ổn định chuỗi giá trị và đảm bảo khả năng tăng trưởng doanh thu.

Về lao động, trung bình có 90,8% doanh nghiệp đã giảm quy mô lao động trong thời kỳ diễn ra dịch bệnh. Nói cách khác, cứ khoảng 10 doanh nghiệp thì có xấp xỉ 9 doanh nghiệp chấp nhận cho người lao động thôi việc do hoạt động sản xuất kinh doanh kém khả quan trong thời gian dịch bệnh bùng phát. Tình trạng này tương đối giống nhau ở tất cả các nhóm quy mô doanh nghiệp, trong đó khoảng 92% doanh nghiệp quy mô lớn báo cáo tình trạng cho thôi việc người lao động. Giá trị này ở các nhóm quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ lần lượt là 81%, 94% và 90%.

Tình trạng người lao động mất việc làm diễn ra phổ biến nhất ở các ngành dịch vụ. Trên 97% doanh nghiệp ở các ngành giáo dục và đào tạo, hoạt động hành chính và dịch vụ, và dịch vụ lưu trú và ăn uống trả lời khảo sát đã phải giảm số lao động trong thời gian dịch bệnh. Tình trạng người lao động mất việc làm do ảnh hưởng từ dịch bệnh phổ biến nhất ở các tỉnh Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh duyên hải miền Trung với lần lượt 95%, 93% và 92% doanh nghiệp đang hoạt động ở các vùng này báo cáo việc cho người lao động thôi việc. Tỷ lệ tương ứng ở các khu vực khác thấp hơn 90% nhưng cũng tương đối cao; nơi ít nhất là Đồng bằng sông Hồng, nhưng cũng có 78% doanh nghiệp phải giảm số lao động.

Về chuỗi giá trị, trung bình có 96,2% doanh nghiệp gặp ít nhất một trong các vấn đề liên quan đến chuỗi giá trị. Các vấn đề này có thể là khó tiếp cận khách hàng, mất cân đối dòng tiền, khó khăn khi quản lý nhân công hay đứt gãy chuỗi cung ứng. Trong đó, đại dịch khiến khoảng 61,8% doanh nghiệp khó tiếp cận khách hàng trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, dịch bệnh gây đình đốn nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh khiến việc quản lý tài sản, dòng tiền trở thành một thách thức lớn. 57,6% doanh nghiệp gặp phải khó khăn này. Bên cạnh đó, việc triển khai các biện pháp giãn cách xã hội đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức lại mô hình làm việc và duy trì trong một thời gian dài tình trạng làm việc từ xa. Chính vì thế, khoảng 57,2% doanh nghiệp cho biết gặp khó khăn trong quản lý nhân sự trong thời kỳ dịch bệnh. Tương tự, dịch bệnh trên toàn cầu gây ra trở ngại lớn về duy trì chuỗi cung ứng với 51,4% doanh nghiệp bị ảnh hưởng.

Hình 1. Dịch COVID-19 ảnh hưởng tới doanh nghiệp trên các phương diện nào?



Về doanh thu, đại dịch COVID-19 kéo dài khiến 71% doanh nghiệp báo cáo doanh thu dự kiến năm 2021 giảm so với năm 2020. Tỷ lệ doanh nghiệp ước tính doanh thu năm 2021 suy giảm so với năm trước đó là rất đáng lưu ý. Bởi với riêng năm 2020, dịch bệnh COVID-19 đã làm 65% doanh nghiệp sụt giảm doanh thu so với năm 2019³. Kết quả ước tính doanh thu năm 2021 (năm dịch bệnh thứ hai) tiếp tục giảm so với năm trước đó dự báo tình trạng “kiệt quệ” về tài chính của rất nhiều doanh nghiệp trong thời gian tới nếu không có những giải pháp hỗ trợ phù hợp và kịp thời.

Bảng 2 dưới đây thể hiện thay đổi doanh thu dự kiến của doanh nghiệp năm 2021 so với năm 2020 theo ngành sản xuất kinh doanh chính. Cụ thể, 93% doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội (chẳng hạn các bệnh viện tư, các trung tâm chăm sóc, điều dưỡng) báo cáo doanh thu dự kiến năm 2021 (năm thứ hai xảy ra dịch bệnh) bị sụt giảm so với năm 2020 (năm dịch bệnh thứ nhất). Tương tự, 87,5% doanh nghiệp trong ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống dự kiến sụt giảm doanh thu. Các ngành khác cũng có doanh thu giảm mạnh, với tỷ lệ

³ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam: Báo cáo Tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra doanh nghiệp năm 2020, công bố tháng 3/2021.

doanh nghiệp dự tính giảm doanh thu dao động trong khoảng từ 45,9% đến 87% so với năm 2020.

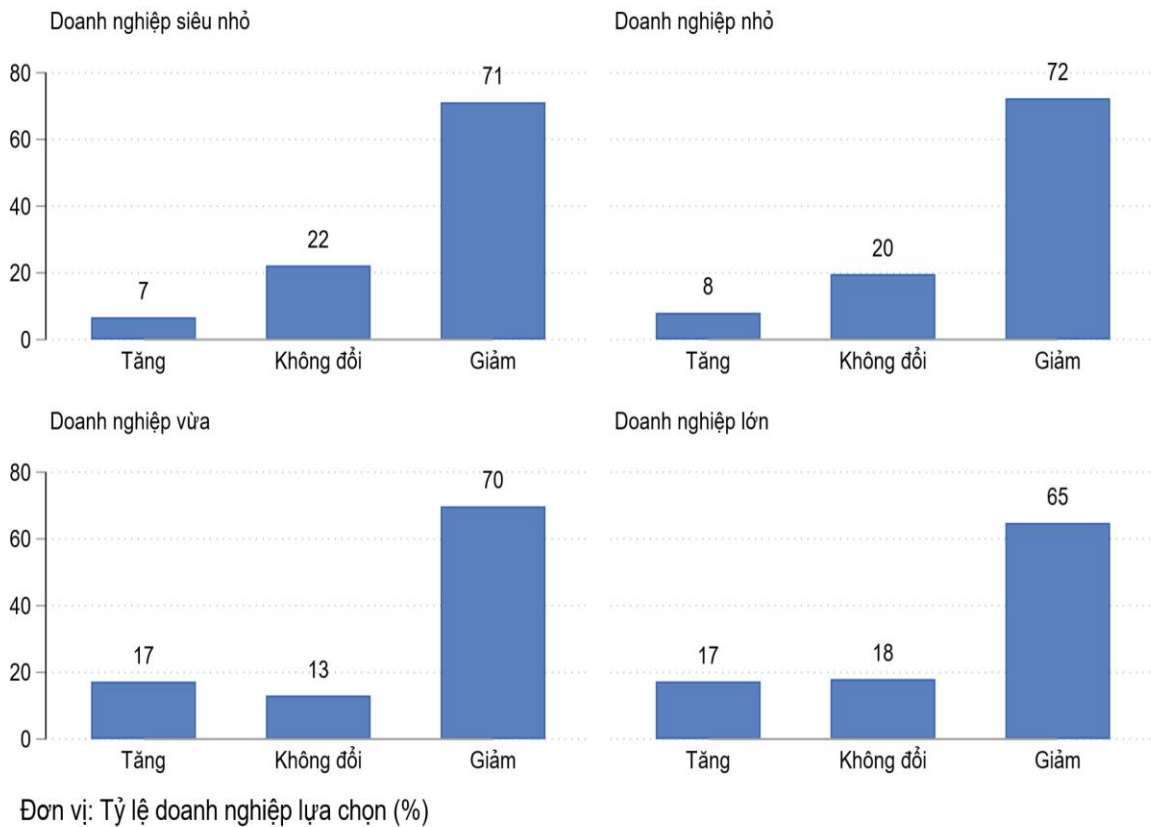
Bảng 2: Doanh thu dự kiến năm 2021 so với năm 2020 theo ngành SXKD

Một số ngành SXKD	Tăng	Không đổi	Giảm
Thông tin và truyền thông	11,8	42,4	45,9
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	19,2	33,4	47,4
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	19,8	19,6	60,6
Vận tải kho bãi	14	22,9	63,1
Bán, sửa chữa xe có động cơ	6,9	27,1	66
Xây dựng công trình dân dụng	2,9	31,1	66
Hoạt động xây dựng chuyên dụng	6,7	24,7	68,6
Cung cấp nước, xử lý rác thải	4,3	26,3	69,4
Xây dựng nhà các loại	6,9	23,6	69,5
Công nghiệp chế biến, chế tạo	11,8	18,1	70,2
Giáo dục và Đào tạo	0	29,4	70,6
Khai khoáng	3,6	23,5	72,9
Kinh doanh bất động sản	7,1	19,5	73,4
Bán buôn (trừ xe có động cơ)	6,4	19,6	74
Bán lẻ (trừ xe có động cơ)	8,8	17,1	74
Nông, lâm, thủy sản	9,3	13,7	77
Hoạt động khoa học công nghệ	3,8	18,9	77,3
Tài chính ngân hàng và bảo hiểm	2,2	10,9	87
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2,8	9,7	87,5
Y tế và trợ giúp xã hội	1,4	5,6	93

Hình dưới đây mô tả sự thay đổi doanh thu dự kiến của doanh nghiệp năm 2021 so với năm 2020 theo quy mô của doanh nghiệp. Các nhóm doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ bị giảm doanh thu đáng kể nhất bởi dịch bệnh với lần lượt 71% và 72% doanh nghiệp thuộc các nhóm này dự đoán tình hình suy giảm doanh thu so với năm đầu đại dịch. 70% doanh nghiệp quy mô vừa cho biết bị

giảm doanh thu, trong khi cũng có tới 65% doanh nghiệp quy mô lớn cho biết tình trạng tương tự.

Hình 2: Doanh thu dự kiến năm 2021 so với năm 2020 quy mô doanh nghiệp



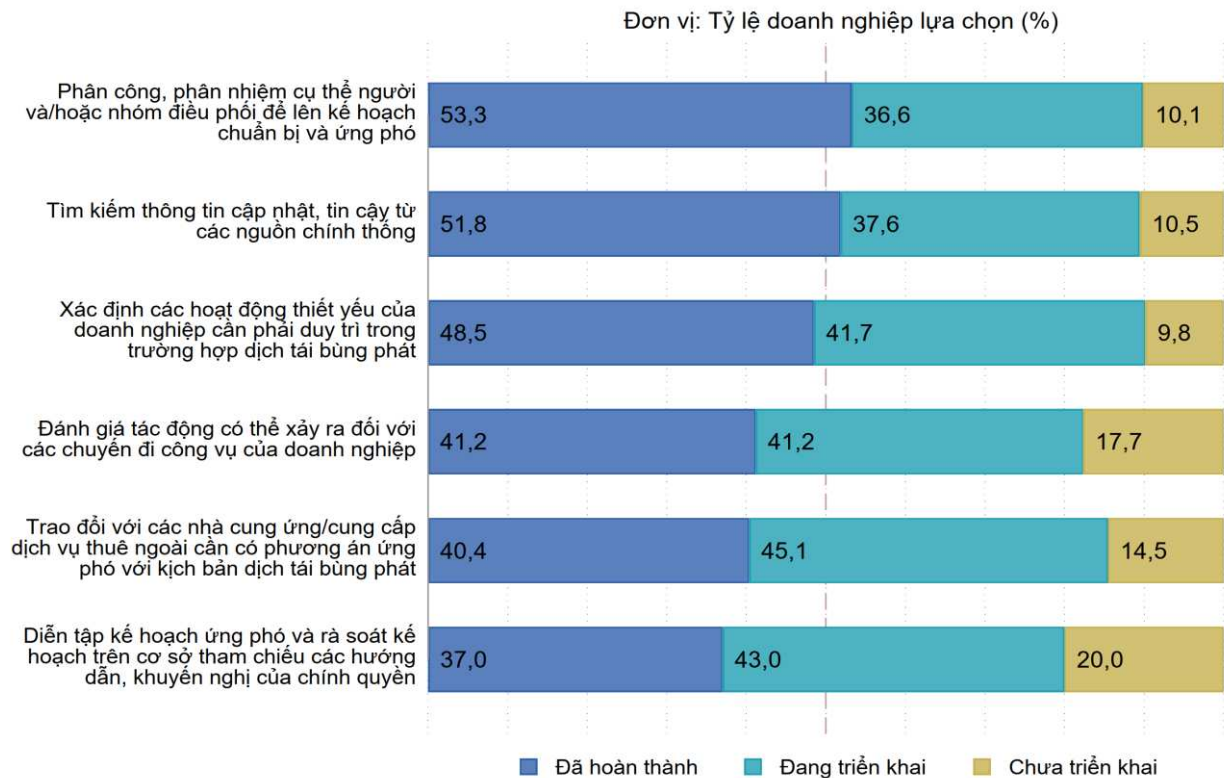
2. Ứng phó của doanh nghiệp

Các biện pháp chuẩn bị của doanh nghiệp: Trong thời kỳ dịch bệnh, doanh nghiệp Việt Nam đã có nhiều biện pháp khác nhau nhằm chuẩn bị ứng phó cú sốc bất lợi do COVID-19 đem lại. Trong số các hình thức ứng phó được nêu trong khảo sát, “phân công, phân nhiệm cụ thể người hoặc nhóm điều phối để lên kế hoạch chuẩn bị và ứng phó” và “tìm kiếm thông tin cập nhật, tin cậy từ các nguồn chính thống như trang web của chính quyền” là hai hình thức có tỷ lệ doanh nghiệp đã thực hiện cao nhất, với tỷ lệ lần lượt là 53,3% và 51,8%. Nhìn chung, đây là hai hình thức dễ thực hiện và thiết thực trong quá trình phòng chống dịch bệnh.

Trong khi đó, hình thức còn ít được doanh nghiệp triển khai nhất là “tiến hành diễn tập kế hoạch ứng phó đã đề ra và thường xuyên rà soát kế hoạch trên cơ sở tham chiếu các hướng dẫn và khuyến nghị cập nhật của Chính phủ/chính quyền”. Do vậy, một trong những giải pháp mà các cơ quan Nhà nước cũng như

các tổ chức liên quan xem xét xây dựng các hướng dẫn chi tiết cũng như những phương án mẫu ứng phó với COVID-19 để các doanh nghiệp tham khảo áp dụng.

Hình 3. Việc chuẩn bị các biện pháp ứng phó dịch COVID-19 của doanh nghiệp

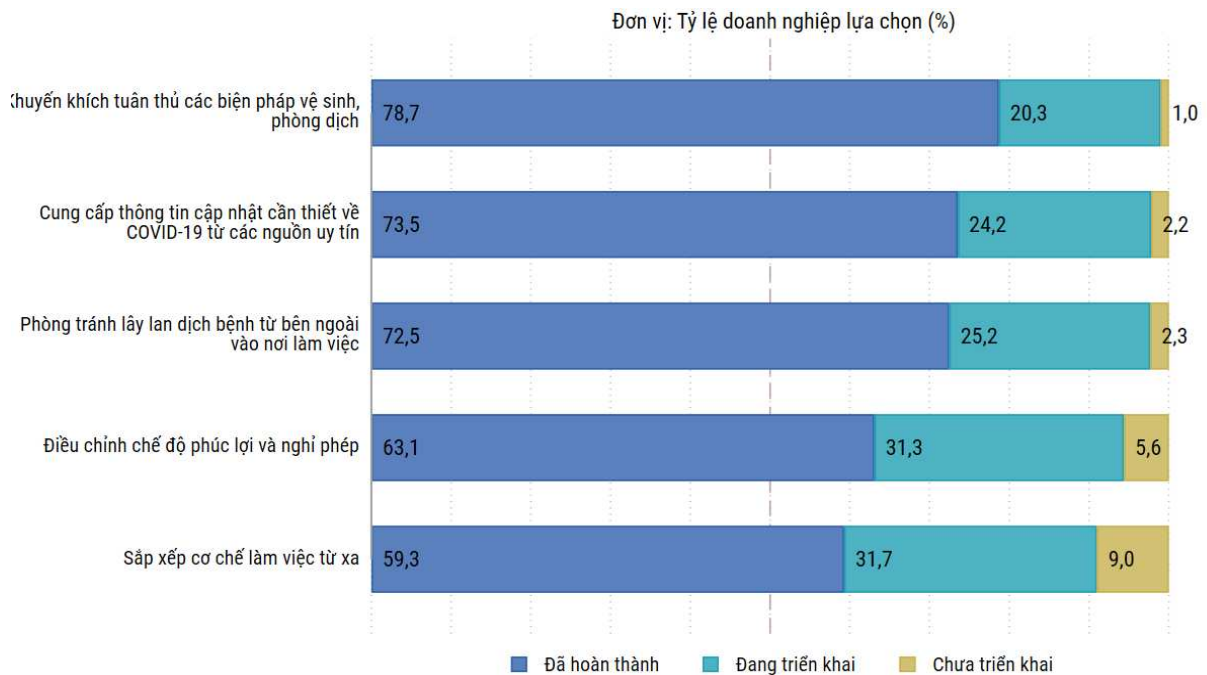


ngiệp

Các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động: Trong bối cảnh dịch bệnh, các doanh nghiệp cũng thực hiện những biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động trước dịch bệnh. Hầu hết các doanh nghiệp đã thực hiện một trong các giải pháp như: khuyến khích người lao động tuân thủ các biện pháp vệ sinh, phòng dịch; cung cấp thông tin cập nhật cần thiết về COVID-19 từ các nguồn uy tín; phòng tránh lây lan dịch bệnh từ bên ngoài vào nơi làm việc; điều chỉnh chế độ phúc lợi và nghỉ phép; và sắp xếp cơ chế làm việc từ xa.

Trong các giải pháp này, tỷ lệ doanh nghiệp sắp xếp cơ chế làm việc từ xa là thấp nhất với 59,3% doanh nghiệp đã thực hiện, hoàn thành, 31,7% doanh nghiệp đang xây dựng, triển khai và 9% doanh nghiệp chưa thực hiện. Do vậy, từ phía cơ quan Nhà nước, các giải pháp chính sách cần tính đến như ban hành những hướng dẫn, khuyến nghị cụ thể hoặc tổ chức tập huấn giúp doanh nghiệp tổ chức mô hình làm việc từ xa hiệu quả trong thời kỳ dịch bệnh.

Hình 4. Chuẩn bị biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động của doanh nghiệp



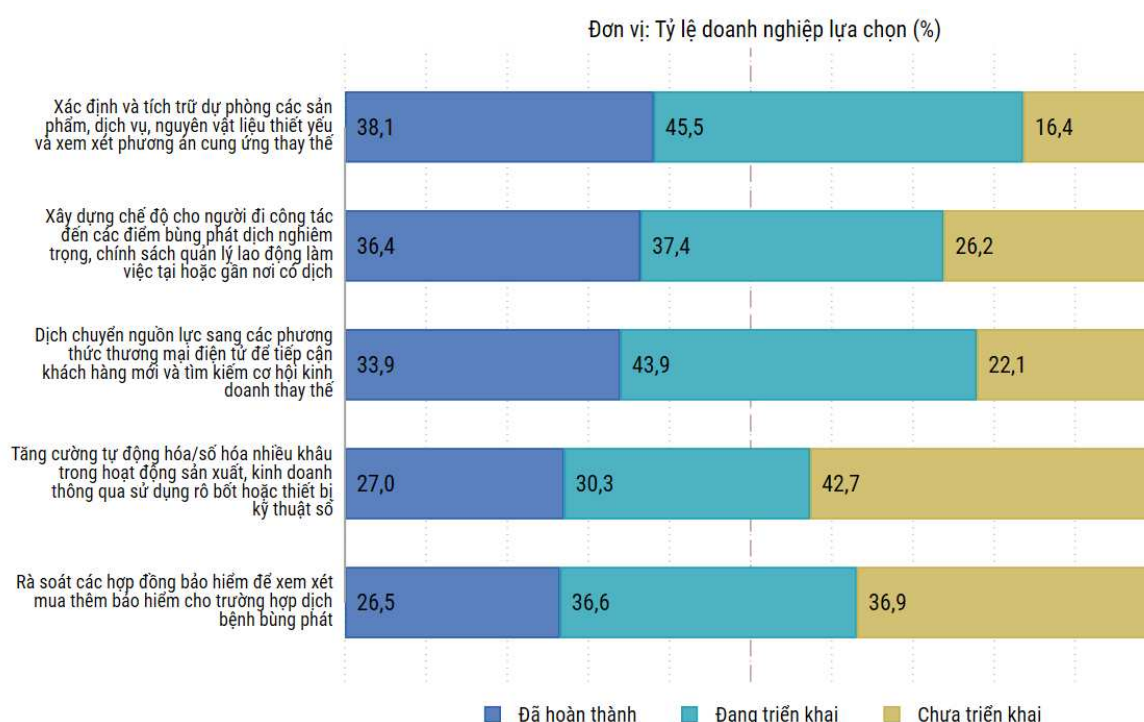
Các biện pháp nhằm duy trì hoạt động liên tục: Một trong những giải pháp quan trọng nhất từ phía doanh nghiệp trước những cú sốc bất lợi như thiên tai hay dịch bệnh là xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục. Đây là quá trình tạo ra hệ thống giúp doanh nghiệp phòng ngừa, ứng phó và phục hồi hoạt động kinh doanh nếu một rủi ro nào đó xảy ra với doanh nghiệp.

Khảo sát đã đưa ra một số hoạt động chủ yếu thường có trong các kế hoạch kinh doanh liên tục để đánh giá mức độ thực hiện của các doanh nghiệp. Kết quả cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp thực sự “đã hoàn thành” mỗi hoạt động được nêu đều chưa tới 40%. Tuy vậy, tỷ lệ doanh nghiệp đang thực hiện các giải pháp này khá cao và có thể kỳ vọng rằng số đông doanh nghiệp sẽ thực hiện một số biện pháp nhằm duy trì hoạt động liên tục trong thời gian tới.

Chính sách từ phía các cơ quan Nhà nước có thể thúc đẩy doanh nghiệp xây dựng các kế hoạch kinh doanh liên tục. Tỷ lệ doanh nghiệp chưa triển khai tự động hóa, số hóa trong sản xuất kinh doanh là khoảng 42,7%, và 36,9% doanh nghiệp chưa sử dụng công cụ bảo hiểm để giảm thiểu rủi ro trước biến cố do dịch bệnh gây ra là những con số tương đối cao. Do đó, cần có các giải pháp

khuyến khích, hướng dẫn doanh nghiệp chuyển đổi số và sử dụng bảo hiểm như công cụ phòng ngừa rủi ro cần được xem xét đến trong chính sách phòng chống dịch bệnh trong tương lai.

Hình 5. Việc chuẩn bị biện pháp nhằm duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp



3. Một số đề xuất hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi để vượt qua khó khăn do dịch COVID-19

Khảo sát doanh nghiệp do VCCI thực hiện từ tháng 7 đến giữa tháng 9/2021, đúng khoảng thời gian làn sóng thứ 4 của dịch COVID-19 diễn ra tại hầu khắp các tỉnh thành của Việt Nam, kèm với đó là các biện pháp giãn cách, phong tỏa để kiểm chế dịch được áp dụng tại nhiều địa phương. Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Khảo sát có tìm hiểu sức chịu đựng của doanh nghiệp Việt Nam trước tình trạng kéo dài của dịch bệnh, với câu hỏi: “Với cách tiếp cận hiện nay, doanh nghiệp bạn có thể cầm cự thêm bao lâu nữa nếu Chính phủ tiếp tục duy trì đồng thời các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, phong tỏa tạm thời và triển khai tiêm vắc-xin?” Kết quả cho thấy một doanh nghiệp điển hình chỉ có thể cầm cự thêm tối đa 6 tháng. Doanh nghiệp ở những lĩnh vực ngành báo cáo số tháng thấp nhất

là nông lâm, thủy sản (trung bình 4,7 tháng), thông tin truyền thông (4,9 tháng) và xây dựng (5,3 tháng).

Ảnh hưởng của dịch bệnh có tác động rõ ràng theo khu vực. Doanh nghiệp tại Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long vốn bị ảnh hưởng mạnh bởi đợt bùng phát dịch bệnh COVID-19 lần thứ tư, nên sức chịu đựng chung của doanh nghiệp ở những khu vực này cũng thấp hơn đáng kể những khu vực khác. Số tháng trung bình mà doanh nghiệp ở hai khu vực trên có thể tiếp tục cầm cự trong điều kiện hiện tại lần lượt là 5 tháng và 5,3 tháng. Trong khi đó, doanh nghiệp tại các tỉnh miền núi phía Bắc – nơi ít chịu ảnh hưởng hơn bởi đại dịch – có thể kéo dài hoạt động thêm khoảng 8,4 tháng.

Lưu ý rằng khoảng thời gian doanh nghiệp có thể cầm cự thêm được tính từ thời điểm trả lời khảo sát. Khảo sát này được tiến hành từ tháng 7 đến tháng 9/2021, thời gian thực tế để doanh nghiệp cầm cự được tính tới thời điểm báo cáo này có thể ngắn hơn 1,5-2 tháng. Như vậy, tính trung bình thời gian còn lại cho các doanh nghiệp cũng chỉ xung quanh khoảng 3 tháng nữa kể từ thời điểm kết thúc khảo sát vào ngày 15/9/2021.

Thời gian có thể cầm cự được đối với các doanh nghiệp là tương đối ngắn và cùng với những khó khăn của các doanh nghiệp đang phải đương đầu cho thấy cần có những chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi một cách kịp thời và hiệu quả.

Trước tình hình khó khăn của doanh nghiệp và người dân, Quốc hội đã có một loạt các điều chỉnh chính sách quan trọng, như Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI và Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 06/8/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép Chính phủ ban hành Nghị quyết có một số quy định khác với quy định của luật để đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19. Tổ công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19 đã liên tục tổ chức nhiều phiên họp có sự tham gia, thảo luận của đại diện cộng đồng doanh nghiệp để giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo công tác theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác phòng, chống dịch COVID-19.

Chính phủ cũng đã có những quyết sách mới nâng cao hiệu quả công tác phòng chống dịch COVID-19. Ngày 06/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định 1447/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc

Thành lập Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, và trước đó là Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19...

Đáng chú ý trong các văn bản chính sách mới ban hành của Chính phủ là Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19, trong đó cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương quán triệt, thực hiện quyết liệt, hiệu quả một số nội dung với mục tiêu: (1) Tập trung khôi phục, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19; (2) Hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản do tác động bởi dịch COVID-19. Nghị quyết 105 đã đưa ra 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: (1) Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phục hồi, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch; (2) Đảm bảo ổn định sản xuất, lưu thông hàng hoá thông suốt, hiệu quả, an toàn, khắc phục gián đoạn chuỗi cung ứng; (3) Hỗ trợ cắt giảm chi phí, tháo gỡ khó khăn về tài chính, dòng tiền cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; và (4) Tạo điều kiện thuận lợi về lao động, chuyên gia.

Đặc biệt là ngày 11/10/2021, định hướng chính sách chống dịch COVID-19 của Việt Nam đã được xác định rõ, với việc Chính phủ ban hành Nghị quyết 128/NQ-CP về Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19", với quan điểm đặt sức khỏe, tính mạng người dân lên trên hết, trước hết; từng bước mở cửa trở lại nền kinh tế, bảo đảm hài hòa giữa mở cửa và kiểm soát dịch bệnh có hiệu quả. Ngày 12/10/2021, Bộ Y tế cũng đã ban hành Quyết định 4800 ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ... Những văn bản này đã có tác động tích cực đối với việc từng bước thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh và mở cửa phục hồi các hoạt động kinh tế, xã hội trong thời gian gần đây. Chính phủ cũng đang khẩn trương hoàn thiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, bên cạnh việc nâng cao năng lực y tế, bảo đảm an sinh xã hội, là chương trình hỗ trợ, phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã; chương trình phát triển hạ tầng chiến lược...

Các giải pháp ngắn hạn để hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi

- *Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin chính sách, quy định hỗ trợ doanh nghiệp:* Việc tiếp cận thông tin chính sách, quy định là rất quan trọng đối với cộng đồng kinh doanh. Các cơ quan nhà nước cần công khai rộng rãi các chính sách, quy định để các doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh thuận lợi trong tiếp cận thông tin. Các hướng dẫn thực hiện cần rõ ràng hơn với những tiêu chí đánh giá cụ thể giúp đánh giá mức độ hoàn thành của mục tiêu đề ra và kết quả thực hiện sau khi áp dụng giải pháp trong Nghị quyết 105 cũng như các chương trình, chính sách hỗ trợ khác. Trong quá trình này, các cơ quan chức năng cũng cần vận hành hiệu quả đường dây nóng và hòm thư điện tử để tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp, người dân để điều chỉnh kịp thời các quy định, chính sách.

- *Tránh tuyệt đối việc áp dụng máy móc và cực đoan các biện pháp hạn chế, phong tỏa do dịch COVID-19 để tránh đứt gãy chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.* Trong thời gian tháng 7-9/2021 vừa qua, việc thu mua nguyên liệu phụ vụ sản xuất lẫn bán sản phẩm đầu ra đều gặp rất nhiều khó khăn vì người bán và cả người mua gặp những hạn chế trong lưu thông, di chuyển. Điều này khiến hàng hóa bị ùn ứ, chờ đợi nhiều giờ, thậm chí nhiều ngày khi gặp các chốt kiểm dịch. Các biện pháp hạn chế, phong tỏa nghiêm ngặt nếu áp dụng máy móc sẽ khiến hàng hóa bị lưu kho lâu ngày, doanh nghiệp bị đứt chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ. Trong khi đó, các khoản vay vẫn tính lãi, các chi phí thuê nhà cửa, trang thiết bị vẫn phát sinh và doanh nghiệp bị mất cân đối dòng tiền nghiêm trọng.

- *Các Bộ, ngành và các địa phương cần triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp lập và triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh liên tục trong tình hình dịch bệnh.* Các kế hoạch này cần bám sát các kịch bản mức độ dịch có thể xảy ra để từ đó doanh nghiệp bố trí nhân lực, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chuẩn bị vật tư, hàng hóa đầu vào cho đến việc vận chuyển, lưu thông tiêu thụ hàng hóa.

- *Quan tâm giải quyết các khó khăn tài chính cho doanh nghiệp:* Cần có giải pháp hỗ trợ giãn nợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã... chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19 mà không có khả năng nộp. Các cơ quan chức năng cũng cần nhắc chính sách miễn, giãn nợ ngân sách nhà nước với thời gian đủ dài để doanh nghiệp phục hồi, cụ thể là với với các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới dòng tiền của doanh nghiệp như: tiền thuê đất, các loại phí, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... Các chính sách hỗ trợ cần chú trọng thêm về thuế giá trị gia tăng thay vì thuế thu nhập doanh nghiệp, bổ sung thêm chính sách hỗ trợ trong trả lương cho người lao động, chính sách hỗ trợ

về bảo hiểm xã hội như giảm mức đóng thay vì chính sách không tính lãi cho doanh nghiệp như hiện nay.

- *Tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp tiếp cận vốn để phục hồi sản xuất kinh doanh:* Việc cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã được giãn nợ, cơ cấu thời hạn trả nợ, miễn giảm phí, không phạt trả chậm tín dụng, giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 để có thêm thời gian phục hồi trả nợ và khắc phục nợ xấu là rất cần thiết. Các gói vay lãi suất 0% hoặc với lãi suất thấp trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng để hỗ trợ doanh nghiệp trả lương cho người lao động trong giai đoạn khôi phục kinh tế cần được triển khai mạnh mẽ. Việc mở rộng diện xem xét vay tín chấp đối với các doanh nghiệp không có tài sản bảo đảm cũng cần tính đến vì đây là khó khăn chính về mặt thủ tục của các cơ sở kinh doanh khi tiếp cận tín dụng.

- *Đơn giản hóa thủ tục nhập cảnh, đi lại cho lao động, chuyên gia:* Đối với chuyên gia nước ngoài: Đề nghị Bộ, ngành rà soát quy trình đối với thủ tục nhập cảnh của chuyên gia nước ngoài theo hướng: áp dụng giải quyết thủ tục trực tuyến, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, xem xét ưu tiên các chuyên gia có hộ chiếu vắc-xin và đã xét nghiệm âm tính, xem xét giảm thời gian cách ly tập trung cũng như thời gian cách ly tại nhà,... Chính sách đối với chuyên gia nước ngoài cần thống nhất thực hiện giữa các địa phương trên toàn quốc. Các cơ quan chức năng cần xây dựng các bộ công cụ hướng dẫn về thủ tục nhập cảnh đối với chuyên gia nước ngoài một cách rõ ràng và công bố công khai để doanh nghiệp và chuyên gia nước ngoài có thể dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Đối với người lao động từ các tỉnh, thành phố khác quay lại nơi làm việc: đối với người lao động đã tiêm đủ liều vắc-xin hoặc có xét nghiệm âm tính khi quay lại làm việc thì cần giảm thiểu tối đa thời gian cách ly. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đề nghị cần chính quyền các địa phương cần có các giải pháp truyền thông để trấn an tâm lý lo ngại dịch bệnh ở đại đa số người lao động hiện nay, qua đó giúp họ an tâm quay lại doanh nghiệp làm việc.

- *Có chương trình hỗ trợ đào tạo cho người lao động bị thôi việc, mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19.* Triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người lao động; thực hiện có hiệu quả các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động; nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, hoạt động sản giao dịch việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm. Giải quyết kịp thời các thủ tục liên quan đến chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động; chủ động phối hợp với các doanh nghiệp để tuyên truyền, động viên tinh thần của người lao động vượt qua khó khăn của đại dịch Covid-19.

- *Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính chuyển hẳn sang giải quyết thủ tục trên môi trường mạng:* Thực tế trong gần 2 năm vừa qua trong tình hình dịch bệnh COVID-19 phải áp dụng các quy định giãn cách có thể gây khó khăn cho việc tiếp cận khách hàng, đối tác để thực hiện các giao dịch kinh doanh, đặc biệt là các dịch vụ có liên quan đến cấp, xác nhận giấy tờ. Trong khi đó, một số loại hình thủ tục lại chưa chấp nhận nộp hồ sơ trực tuyến hay sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số trong quá trình đăng ký và phê duyệt. Một số thủ tục nộp hồ sơ đăng ký và xin phê duyệt vẫn đòi hỏi phải nộp bản gốc bằng văn bản. Điều này gây khó khăn và kéo dài thời gian phê duyệt do hoạt động chuyên phát bưu phẩm của các đơn vị giao nhận bị hạn chế nhất định trong thời kỳ có dịch. Do vậy, tất cả các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương cần chấp thuận các các hồ sơ, văn bản scan, các hình thức gửi online trong việc giải quyết các thủ tục hành chính. Việc đẩy nhanh triển khai dịch vụ công cấp độ 4 cũng rất quan trọng bên cạnh tạo thuận lợi cho các ứng dụng chuyển đổi số trong cải cách hành chính để thay thế cho các hình thức nộp hồ sơ giấy trước đây.

- *Nâng cao hiệu quả thực thi của bộ máy chính quyền:* Các chủ trương và chính sách của Chính phủ hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được ban hành gần đây được cộng đồng doanh nghiệp đón nhận và đánh giá cao, song các Bộ ngành cần ban hành các văn bản hướng dẫn sao cho các thủ tục để nhận thụ hưởng được minh bạch và thuận lợi. Các chính sách và quy định đưa ra cần hướng tới giảm thiểu quy định về yêu cầu chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Để cải thiện sự phối hợp giữa các ngành, các cấp, đặc biệt là tại các cấp địa phương trong triển khai các chính sách hỗ trợ, Chính phủ cần có giải pháp kiểm tra quá trình triển khai thực hiện, quan tâm nâng cao hiệu quả thực thi của các bộ, ngành và chính quyền các địa phương để củng cố niềm tin cho cộng đồng kinh doanh và người dân.

Chính phủ cần có sự chỉ đạo thống nhất chung đối với các bộ ngành và địa phương, tránh tình trạng "cát cứ" mỗi địa phương đưa ra và hiểu một cách khác nhau gây khó khăn cho các hoạt động của doanh nghiệp, làm tăng chi phí, tăng giá thành sản phẩm dịch vụ. Cần đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; kịp thời động viên, khen thưởng những người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, chủ động đổi mới, sáng tạo, linh hoạt trong thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, kết hợp tháo gỡ các điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Chính phủ cũng cần có chỉ đạo các bộ, ngành và chính quyền địa phương thường xuyên nắm bắt phản ánh, kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân về các chính sách trong quá trình thực hiện để kịp thời xử lý các

bất cập trong các chính sách, quy định. Đối với những những chính sách chậm triển khai hoặc chưa phù hợp Chính phủ cần sớm xem xét, chỉ đạo kịp thời và điều chỉnh quy định phù hợp với tình hình để hỗ trợ nền kinh tế mà trọng tâm là vực dậy khu vực doanh nghiệp, hợp tác xã mà vẫn đồng thời đảm bảo hiệu quả phòng chống dịch.

Các giải pháp trong trung và dài hạn nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, thích ứng với trạng thái “bình thường mới”

Để tái khởi động nền kinh tế, ngoài chú trọng đối tượng doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, còn cần lưu ý các chính sách hỗ trợ phù hợp với đối tượng là hộ kinh doanh cá thể, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Các đối tượng này bị tác động mạnh từ các biện pháp siết chặt phòng chống dịch, khả năng tự phục hồi kém nhưng lại đóng góp một phần quan trọng trong giảm tải áp lực an sinh xã hội, là một trong những động lực kích cầu trong tương lai.

Đồng thời, để hoạt động sản xuất kinh doanh được tái khởi động và nhanh chóng tăng tốc, các quy định về phòng chống dịch cũng như lộ trình nới lỏng giãn cách, mở cửa trở lại cần có sự phối hợp, thống nhất giữa các địa phương nhằm đảm bảo phục hồi và ổn định chuỗi cung ứng, doanh nghiệp chủ động lên phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro về đứt gãy nguồn cung, không đảm bảo tiến độ đơn hàng, gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp.

Về trung và dài hạn, bên cạnh việc song song thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, tín dụng, các chính sách mang tính tái cấu trúc, hướng tới phát triển bền vững cũng cần được xây dựng ngay từ bây giờ. Cụ thể:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư công, phát triển cơ sở hạ tầng đảm bảo an toàn, an ninh cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; có lộ trình phục hồi kinh tế rõ ràng để hỗ trợ cho doanh nghiệp và nền kinh tế; có kịch bản sống chung dài hạn với dịch bệnh có tính khả thi và khả năng chống chịu của doanh nghiệp.

(2) Lộ trình phục hồi và phát triển kinh tế cần xác định việc ổn định và thúc đẩy sản xuất công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ làm trọng tâm, với một số chính sách có thể tập trung vào tăng liên kết vùng trong sản xuất phục hồi kinh tế, xây dựng chiến lược tổng thể, dài hạn trong việc phát triển chuỗi sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu của Việt Nam, tuyên truyền, vận động doanh nghiệp nghiên cứu tận dụng cơ hội cũng như các thách thức để cải thiện chuỗi cung ứng của Việt Nam hiện nay như xây dựng chuỗi cung ứng khép kín, áp dụng quản lý chuỗi cung ứng xanh đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời đáp ứng được mục tiêu tăng hiệu năng dây chuyền sản xuất.

(3) *Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, kết hợp cắt giảm những công trình đầu tư công chưa cần thiết để có nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp, cân đối ngân sách. Đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục đầu tư cho các dự án đang tồn đọng và các dự án mới; không để chậm trễ, tồn đọng hồ sơ. Nâng cao tinh thần, thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ ở vị trí thực thi chính sách, phát huy tinh thần đồng hành cùng doanh nghiệp. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công của các dự án chậm tiến độ sang các dự án khác có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.*

(4) *Nâng cao khả năng tận dụng ưu đãi thuế quan FTA, khơi thông các chính sách liên quan đến quy tắc xuất xứ.* Việt Nam hiện có 15 FTA đang có hiệu lực trong đó có nhiều thị trường mà Việt Nam hiện có lợi thế do các đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam chưa có FTA (ví dụ EU, Liên minh kinh tế Á-Âu, Chile, Canada... chưa có FTA với phần lớn các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam trong ASEAN, Trung Quốc). Do đó, lợi thế thuế quan theo các FTA là công cụ quan trọng để hấp dẫn các khách hàng quay trở lại đặt hàng với doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới. Vì vậy, đề nghị cần có chương trình hành động cụ thể nhằm nâng cao khả năng tận dụng ưu đãi thuế quan FTA để xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và xử lý các vướng mắc về chính sách liên quan tới quy tắc xuất xứ trong các FTA.

(5) *Cải thiện hạ tầng logistics cũng như thủ tục hành chính có liên quan để tạo thuận lợi cho các hoạt động vận tải và xuất nhập khẩu, đặc biệt đối với nông thủy sản để tăng tính cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam.*

(6) *Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư, tăng hiệu quả hơn nữa của Tổ Công tác của Thủ tướng Chính phủ về FDI để thu hút làn sóng đầu tư nước ngoài chất lượng cao và đầu tư vào công nghiệp phụ trợ; nghiên cứu tận dụng làn sóng dịch chuyển với cổ phần hóa, đầu tư theo hình thức mua bán và sáp nhập (M&A).*

(7) *Xác định phát triển kinh tế số là động lực tăng trưởng của nền kinh tế, tạo cơ chế thúc đẩy thương mại điện tử (sản giao dịch điện tử, vận tải công nghệ, chợ đầu mối trực tuyến...); hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (đào tạo nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ, tư vấn/định hướng ứng dụng công nghệ/số hoá quy trình quản trị doanh nghiệp...), tăng cường triển khai các chương trình đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, marketing số...*

(8) *Thúc đẩy phát triển thị trường nội địa, thị trường nội ngành thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và phong trào “Hàng Việt Nam chinh phục người Việt”, đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng trong việc*

phối hợp tiêu thụ sản phẩm của nhau để đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào và thị trường tiêu thụ đầu ra, giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường quốc tế. Cần có các chương trình kết nối tiêu thụ và kích thích tiêu dùng trên toàn quốc (ví dụ: có thể tổ chức các hội chợ bán hàng online theo từng sản phẩm theo tuần. Có thể liên kết một số sàn TMĐT để cùng thực hiện hoạt động này). Cần có sự liên kết giữa các bộ, địa phương, hiệp hội để xây dựng những tuần lễ kết nối, tiêu thụ sản phẩm theo ngành hoặc đa ngành, kết hợp online và tập trung.

(9) Hệ thống chăm sóc sức khỏe tư nhân cần được trao quyền đầy đủ như một đối tác trong trường hợp xảy ra dịch bệnh trên quy mô lớn, gây quá tải đối với hệ thống y tế quốc gia. Việc xây dựng cơ chế phù hợp để hệ thống y tế tư nhân tham gia cùng hệ thống y tế công là cần thiết, không chỉ trong trường hợp phòng chống dịch mà còn góp phần vào việc đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân, phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng hệ thống y tế quốc gia.

Về phía các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp:

(1) Xây dựng và đưa vào triển khai ứng dụng nền tảng dùng chung thống nhất các tổ chức hiệp hội doanh nghiệp, ngành nghề trong công tác tiếp nhận phản ánh của doanh nghiệp, trao đổi, phản biện, thu thập các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp, trên cơ sở đó có thể đánh giá, rà soát định kỳ về các chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, kịp thời phản ánh đến Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành để có các điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp. VCCI hiện đang triển khai một nền tảng tương tác trực tuyến trong cộng đồng doanh nghiệp, trước mắt khởi động đối với các thành viên tham gia Hội đồng Hợp tác Doanh nghiệp ứng phó Covid-19.

(2) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng để tổ chức tiêm chủng cho người lao động, tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định về phòng chống dịch của Bộ Y tế, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Chia sẻ gánh nặng về chi phí phòng dịch và tiêm chủng với Chính phủ.

(3) Các hiệp hội doanh nghiệp tiếp tục chủ động tìm hiểu và phổ biến các bài học kinh nghiệm, thực hành tốt trong duy trì sản xuất và phòng chống dịch bệnh, phù hợp với ngành hàng của mình cho các doanh nghiệp thành viên; nghiên cứu triển khai các phương thức tổ chức sản xuất an toàn trong toàn chuỗi cung ứng.

(4) Doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược với tầm nhìn dài hạn hơn, có kế hoạch phát triển hậu đại dịch như tái cấu trúc doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, có phương án giữ chân người lao động và đào tạo nguồn nhân lực. Tăng cường đối thoại xã hội, coi trọng sự tham gia và vai trò

của công đoàn và người lao động trong giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp./.